

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HNGĐ- ST

Ngày 27 tháng 6 năm 2025

V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia
đình

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Sinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành và bà Trần Thị Kim Khuyên.

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Minh Triều - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà: Đoàn Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu T, sinh ngày 24/01/1982 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Bị đơn: Anh Trần Mạnh T1, sinh ngày 23/8/1972 (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 23/4/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T trình bày:

Chị kết hôn với anh Trần Mạnh T1 ngày 30/10/2003. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã T), huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi cưới chị về làm dâu và ở chung cùng gia đình anh T1. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tôn trọng nhau nên hay cãi nhau gay gắt, bản thân anh T1 thường xuyên chơi bời, nợ nần nhiều người chị khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T1 không thay đổi, anh T1 không quan tâm đến chị và gia đình. Mâu thuẫn đỉnh điểm từ năm 2019 vợ chồng lạnh nhạt, chị về nhà

mẹ đẻ và làm đơn xin ly hôn anh T1, sau đó anh T1 xin đoàn tụ chị đã nghĩ lại nên rút đơn xin ly hôn để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh T1 cũng không thay đổi. Đến nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Trần Mạnh T1.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Trần Việt H, sinh ngày 26/6/2004; Trần Phương L, sinh ngày 21/8/2007 và Trần Bảo M, sinh ngày 07/6/2013. Hiện nay cháu H đã đi làm, cháu L và cháu M đang ở cùng chị T. Ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi cháu L và cháu M và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu H đã thành niên lao động tự túc được nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Mạnh T1 vắng mặt, tại biên bản lấy lời khai ngày 11/6/2025 anh T1 trình bày: Anh thừa nhận về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống cũng như mâu thuẫn vợ chồng như chị T trình bày là đúng. Vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2019, chị H1 về nhà mẹ đẻ vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn chị T xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh T1 thừa nhận chị T trình bày về con chung là đúng. Nếu có sự ly hôn anh đồng ý để chị T nuôi cháu L và cháu M, đối với cháu H đã thành niên lao động tự túc được anh không đề nghị gì

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh T1 không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/5/2025 cháu Trần Phương L trình bày: Cháu là con bố T1, mẹ T, cháu đang học lớp 12A trường trung học phổ thông T4, hiện nay cháu đang ở cùng mẹ, quá trình chung sống bố mẹ thường xuyên cãi nhau, nếu bố mẹ cháu ly hôn nguyện vọng của cháu được ở cùng mẹ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/5/2025 cháu Trần Bảo M trình bày: Cháu là con bố T1, mẹ T, cháu đang học lớp 6A1 trường trung học cơ sở Đ1, hiện nay cháu đang ở cùng mẹ, quá trình chung sống bố mẹ thường xuyên cãi nhau, nếu bố mẹ cháu ly hôn nguyện vọng của cháu được ở cùng mẹ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ, bị đơn chấp hành không đầy đủ về quyền và nghĩa vụ. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị T trực tiếp nuôi cháu L, cháu M; anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài

sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị T, anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không có quan điểm. Về án phí chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Phạm Thị Thu T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Trần Mạnh T1, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án: Ngày 23/4/2025 chị Phạm Thị Thu T có đơn xin ly hôn anh Trần Mạnh T1. Vì vậy pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tố tụng: Anh Trần Mạnh T1 vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án: Cuộc hôn nhân giữa chị Phạm Thị Thu T và anh Trần Mạnh T1 là tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tiến bộ.

Về tình cảm: Sau khi kết hôn chị T, anh T1 có thời gian hòa thuận, hạnh phúc. Quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm. Vợ chồng không có tiếng nói chung, anh T1 lại hay cờ bạc nên nợ nần nhiều người. Mâu thuẫn đỉnh điểm từ năm 2019 vợ chồng lạnh nhạt, chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, chị đã làm đơn xin ly hôn anh T1 sau đó lại rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng cũng không cải thiện được tình cảm vợ chồng. Đến nay chị T và anh T1 cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của chị T và anh T1 là thực tâm tự nguyện nên cần chấp nhận cho anh chị ly hôn.

Về con chung: Xét nguyện vọng và thỏa thuận của chị T, anh T1 Hội đồng xét xử thấy rằng, cháu L và cháu M đang ở cùng chị T. Ly hôn anh T1 và chị T thỏa thuận để chị T tiếp tục nuôi cháu L và cháu M. Thỏa thuận thuận của chị T2 anh T1 cũng là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu nên cần chấp nhận giao cho chị T tiếp tục nuôi cháu L và cháu M. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu H đã thành niên lao động tự túc được chị T và anh T1 không đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị T, anh T1 không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị Thu T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 208; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân gia đình.

1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Thu T được ly hôn chị anh Trần Mạnh T1.
2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Phương L, sinh ngày 21/8/2007 và Trần Bảo M, sinh ngày 07/6/2013 (hiện nay cháu L, M đang ở cùng chị T). Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị T, anh T1 không đề nghị Tòa án giải quyết.
4. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu T phải chịu 150.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 00007635 ngày 23/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Chị T đã nộp đủ án phí.
5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị T có mặt có quyền kháng cáo bản án. Anh T1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã T (để vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Sinh

